

Vietnam Daily Review

Tăng, nhưng chưa tới

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 16/2/2022		•	
Tuần 14/2-18/2/2022		•	
Tháng 2/2022		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Sau phiên giảm điểm mạnh ngày hôm qua, nhà đầu tư có vẻ khá ngần ngại bước chân vào thị trường trong phiên hôm nay. Thanh khoản trên thị trường suy yếu, cho nên mức tăng 20 điểm ngày hôm nay là sự giải tỏa tâm lý nhưng chưa thể khẳng định nhịp điều chỉnh đã kết thúc. Thị trường nghiêng về phía tích cực với 15/19 ngành tăng điểm, với mức tăng nổi bật nhất đến từ nhóm ngành bất động sản. Về giao dịch khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên sàn HSX và bán ròng trên sàn HNX. Trong những phiên tới, thị trường có thể sẽ giằng co trong vùng 1470-1485 điểm.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Các nhà đầu tư hãy giao dịch thận trọng trong các phiên tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 15/02/2022, các chứng quyền tăng theo xu hướng vận động của cổ phiếu cơ sở.

Phân tích kỹ thuật: PAC_Đà tăng hình thành (Trang 2)

Điểm nhấn:

- VN-Index +20.79 điểm, đóng cửa 1492.75 điểm. HNX-Index +2.83 điểm, đóng cửa 423.84 điểm.
- Kéo chỉ số tăng: MSN (+2.77), VHM (+2.11), BID (+1.89), VIC (+1.85), VCB (+1.19).
- Kéo chỉ số giảm: PGV (-0.46), PLX (-0.37), HPG (-0.22), VJC (-0.11), HVN (-0.08).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 17,485 tỷ đồng, giảm -26.62% so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 19,171 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 25,50 điểm. Thị trường có 266 mã tăng, 59 mã tham chiếu và 164 mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: 976.78 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm STB (139.71 tỷ), MSN (125.64 tỷ), VHM (111.93 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị -7.07 tỷ đồng.

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

VN-INDEX

1492.75

Giá trị: 17485.23 tỷ

20.79 (1.41%)

Khối ngoại (ròng): 976.78 tỷ

HNX-INDEX

423.84

Giá trị: 1398.13 tỷ

2.83 (0.67%)

Khối ngoại (ròng): -7.07 tỷ

UPCOM-INDEX

111.22

Giá trị: 1034.44 tỷ

0.37 (0.33%)

Khối ngoại(ròng): 26.95 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	93.4	-2.14%
Giá vàng	1,862	-0.46%
Tỷ giá USD/VND	22,748	0.08%
Tỷ giá EUR/VND	25,807	0.45%
Tỷ giá JPY/VND	19,678	-0.33%
LS liên NH 1 tháng	2.7%	2.38%
LS TPCP 5 năm	1.0%	5.26%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
STB	139.7	VRE	-52.2
MSN	125.6	HDB	-42.5
VHM	111.9	VIC	-20.0
GAS	100.8	FUESSVFL	-17.7
KBC	79.7	DPM	-11.7

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 2
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Khuyến nghị dài hạn	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

BSC

Phân tích kỹ thuật PAC_Đà tăng hình thành

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Hồi phục
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD nằm trên đường tín hiệu
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: PAC đang hình thành xu hướng hồi phục sau khi khi tích trung hạn quanh ngưỡng 37.0. Thanh khoản cổ phiếu nằm trên ngưỡng trung bình 20 phiên, đồng thuận với đà tăng giá của cổ phiếu. Chỉ báo MACD và chỉ báo RSI đều ủng hộ xu hướng hồi phục. Đường giá cổ phiếu đã vượt lên đường MA20 và MA50 trong phiên giao dịch hôm nay, cho thấy xu hướng tăng giá đã hình thành. Nhà đầu tư có thể mở vị thế tại ngưỡng 38.5, chốt lãi tại ngưỡng 41.25 và cắt lỗ nếu cổ phiếu giảm xuống dưới ngưỡng 36.5.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

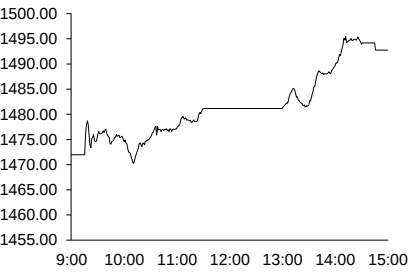
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Bất động sản	2.11%
Thực phẩm và đồ uống	2.08%
Ngân hàng	1.66%
Y tế	1.52%
Ô tô và phụ tùng	1.35%
Bán lẻ	1.08%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1.03%
Dịch vụ tài chính	0.92%
Bảo hiểm	0.57%
Xây dựng và Vật liệu	0.53%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.49%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.49%
Hóa chất	0.34%
Công nghệ Thông tin	0.19%
Viễn thông	0.00%
Truyền thông	-0.27%
Tài nguyên Cơ bản	-0.38%
Du lịch và Giải trí	-0.43%
Dầu khí	-1.85%

Hình 1

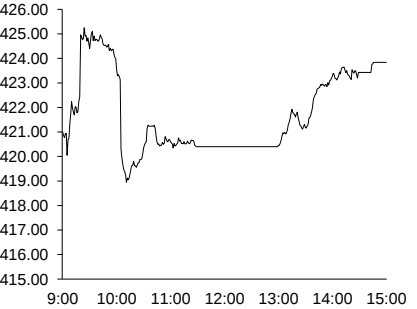
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

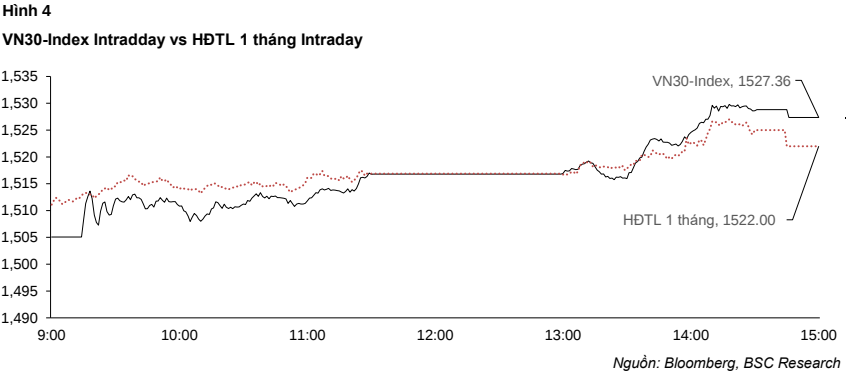
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
2/11/2022	ASM	16.1	18	15	16.25	4	0.93%	Có thể giữ nguyên vị thế
2/10/2022	TVS	47.7	55.3	43.5	48.7	5	2.10%	Có thể giữ nguyên vị thế
2/8/2022	HPG	45.55	55	42	46	7	0.99%	Có thể tiếp tục mua
2/7/2022	GMD	46	52	43.75	48.9	8	6.30%	Có thể tiếp tục mua
1/28/2022	MBS	32.5	38	31.9	33.1	18	1.85%	Có thể giữ nguyên vị thế
1/27/2022	HDG	60.1	65	58	64.1	19	6.66%	Cân nhắc không mua thêm (**)
1/25/2022	GAS	109.5	121	106	117.4	21	7.21%	Có thể tiếp tục mua
1/19/2022	PHR	79.1	95.1	74	84.4	27	6.70%	Có thể tiếp tục mua
12/31/2021	PNJ	96	110.2	90.6	105.5	46	9.90%	Có thể tiếp tục mua
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
1/21/2022	DBC	76.5	89.5	72	SL	6	-5.88%
1/20/2022	LCG	20.8	25	19	SL	6	-8.65%
1/18/2022	PLC	46	59.4	45	SL	9	-2.17%
1/17/2022	HVN	22.9	26	22	TP	21	13.54%
1/14/2022	NBC	17.4	19.7	16.5	SL	4	-5.17%
1/13/2022	EVE	18.3	20	17.55	SL	4	-4.10%
1/12/2022	TID	61.9	75.3	57.5	SL	5	-7.11%
1/11/2022	APC	29.95	35	28.3	SL	6	-5.51%
1/10/2022	SD9	15.1	19.5	14	SL	2	-7.28%
1/7/2022	PHC	18.3	21.3	17.7	SL	6	-3.28%
1/6/2022	D2D	65.3	70	60	SL	11	-8.12%
1/5/2022	GVR	38.4	43	37.5	SL	8	-2.34%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	9	0	4.63%	0.00%	4.74%	19
Cổ phiếu đã chốt	230	176	7.91%	-7.39%	5.04%	24

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2202	1522.00	0.79%	-5.36	-13.3%	135,165	2/17/2022	4
VN30F2203	1521.00	0.56%	-6.36	104.9%	4,586	3/17/2022	32
VN30F2206	1513.00	0.87%	-14.36	-51.1%	23	6/16/2022	123
VN30F2209	1509.30	0.49%	-18.06	-19.6%	45	9/15/2022	214

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 tăng 22.29 điểm lên 1527.36 điểm. Các cổ phiếu như MSN, VPB, VIC, VHM, MBB, STB đã tác động tích cực đến vận động của VN30. Xu hướng hồi phục tại ngưỡng 1500 điểm đang củng cố nhịp vận động tích lũy trong vùng 1500-1550 điểm.

- Các HĐTL đều tăng điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Xét về KLGD, các HĐ đều giảm trừ VN30F2203. Xét về vị thế mở, hai HĐ VN30F2209 và VN30F2203 giảm, hai HĐ còn lại tăng. Điểm số tăng và lượng hợp đồng mở giảm cho thấy xu hướng đóng vị thế ở HĐ ngắn hạn. Các nhà đầu tư hãy giao dịch thận trọng trong các phiên tới.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMSN2110	4/8/2022	52	9.987:1	3,104,200	36.61%	2,200	2,340	30.73%	1,455	1.61	142,299	142,000	160,500
CVRE2109	3/7/2022	20	4:1	1,390,800	38.96%	1,100	1,450	15.08%	1,039	1.40	81,900	29,000	34,000
CMSN2104	5/4/2022	78	9.987:1	383,900	36.61%	5,200	4,390	14.03%	3,558	1.23	118,110	0	160,500
CKDH2107	4/27/2022	71	8:1	315,700	35.01%	1,300	1,700	10.39%	1,199	1.42	52,588	43,888	53,500
CSTB2109	3/7/2022	20	2:1	680,800	41.02%	2,300	2,690	7.60%	2,019	1.33	40,040	29,000	33,500
CMBB2107	4/8/2022	52	2:1	954,900	32.33%	2,200	2,490	5.96%	1,427	1.75	55,040	30,000	32,700
CMWG2108	3/14/2022	27	5:1	3,700	31.05%	3,500	2,020	5.76%	1,644	1.23	130,192	126,000	133,300
CVRE2105	5/4/2022	78	5:1	290,900	38.96%	1,200	1,300	4.84%	855	1.52	67,200	30,000	34,000
CPNJ2106	3/14/2022	27	4.968:1	33,200	30.15%	2,600	1,900	2.70%	1,672	1.14	134,951	98,000	105,500
CTCB2105	5/4/2022	78	5:1	624,500	32.57%	3,600	2,350	2.62%	1,519	1.55	56,458	45,000	51,800
CVRE2112	3/1/2022	14	2:1	792,500	38.96%	2,250	1,200	2.56%	767	1.56	49,500	32,000	34,000
CPNJ2201	9/20/2022	217	8:1	56,200	30.15%	2,300	2,880	2.49%	2,016	1.43	142,900	95,500	105,500
CMWG2104	3/22/2022	35	6.644:1	2,800	31.05%	2,400	6,900	1.77%	6,425	1.07	91,479	135,000	133,300
CMBB2201	9/20/2022	217	2:1	582,700	32.33%	2,700	3,810	0.26%	2,469	1.54	40,380	29,500	32,700
CSTB2202	9/20/2022	217	2:1	713,500	41.02%	2,700	4,320	0.00%	3,139	1.38	63,420	29,500	33,500
CSTB2112	5/24/2022	98	1:1	48,500	41.02%	3,800	5,560	-0.71%	3,923	1.42	37,820	31,000	33,500
CSTB2201	9/21/2022	218	5:1	1,895,600	41.02%	1,500	1,850	-2.12%	1,217	1.52	51,928	29,888	33,500
CTPB2101	4/6/2022	50	3.703:1	72,900	42.35%	2,500	3,050	-4.09%	1,944	1.57	34,273	33,333	40,750
CVJC2103	4/27/2022	71	20:1	321,500	23.87%	1,500	950	-5.94%	646	1.47	141,802	129,999	139,200
CMBB2108	3/1/2022	14	2:1	735,200	32.33%	1,880	1,560	-6.59%	1,082	1.44	45,000	30,000	32,700
Tổng				9,899,800	35.47%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất						CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%						Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
				**Trung bình độ lệch chuẩn						*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 15/02/2022, các chứng quyền tăng theo xu hướng vận động của cổ phiếu cơ sở.

- CACB2103 và CNVL2104 có mức tăng trưởng tốt nhất, đều ở mức 106.38%. Giá trị giao dịch tăng 6.37%. CMWG2112 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 9.98% thị trường.

- CSTB2112, CSTB2202, CMBB2201 và CMWG2104 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CVRE2109, CHDB2201, CVHM2115 và CMSN2108 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CMWG2104, CMSN2104, và CSTB2109 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	133.3	1.0%	0.8	4,131	3.3	6,936	19.2	4.7	49.0%	27.3%
PNJ	Bán lẻ	105.5	0.9%	1.0	1,043	2.8	4,543	23.2	4.0	47.6%	18.3%
BVH	Bảo hiểm	54.8	1.1%	1.4	1,769	1.1	2,501	21.9	1.9	26.4%	9.0%
PVI	Bảo hiểm	48.3	0.0%	0.5	492	0.1	3,543	13.6	1.5	57.8%	10.9%
VIC	Bất động sản	83.7	2.3%	0.7	13,879	10.8	(759)	N/A	2.8	13.3%	-3.1%
VRE	Bất động sản	34.0	3.0%	1.1	3,359	11.8	578	58.8	2.5	30.1%	4.4%
VHM	Bất động sản	80.0	2.4%	1.1	15,146	13.1	9,048	8.8	2.7	23.8%	36.4%
DXG	Bất động sản	37.3	6.6%	1.3	967	19.2	1,941		2.5	29.1%	15.5%
SSI	Chứng khoán	44.2	1.4%	1.5	1,889	11.0	2,768	16.0	3.1	39.1%	22.5%
VCI	Chứng khoán	58.0	1.9%	1.0	840	5.4	4,512	12.9	3.0	20.5%	27.1%
HCM	Chứng khoán	36.9	-0.3%	1.5	733	4.6	2,805	13.1	2.3	44.0%	19.5%
FPT	Công nghệ	91.1	0.1%	0.9	3,595	2.6	4,354	20.9	4.6	49.0%	25.7%
FOX	Công nghệ	72.8	-0.3%	0.4	1,039	0.0	4,304	16.9	5.1	0.0%	30.0%
GAS	Dầu khí	117.4	1.2%	1.3	9,769	7.3	4,381	26.8	4.4	2.9%	17.4%
PLX	Dầu khí	59.0	-2.0%	1.5	3,259	6.2	2,337	25.2	3.0	17.2%	12.3%
PVS	Dầu khí	29.3	-1.7%	1.7	609	8.1	1,260	23.3	1.2	9.2%	5.0%
BSR	Dầu khí	26.8	-2.5%	0.8	3,613	19.3	(909)		2.7	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	101.2	1.6%	0.4	575	0.2	5,720	17.7	3.5	54.2%	20.3%
DPM	Hóa chất	46.6	2.0%	0.8	793	8.2	7,914	5.9	1.7	9.2%	33.5%
DCM	Hóa chất	29.8	1.7%	0.7	686	3.1	3,313	9.0	2.1	5.8%	25.3%
VCB	Ngân hàng	87.0	1.2%	1.1	17,901	9.2	5,005	17.4	3.7	23.6%	21.4%
BID	Ngân hàng	46.2	3.2%	1.3	10,161	7.3	2,090	22.1	2.8	16.8%	13.2%
CTG	Ngân hàng	35.0	1.0%	1.3	7,303	20.2	2,940	11.9	1.8	26.0%	15.9%
VPB	Ngân hàng	36.0	2.7%	1.2	6,948	19.4	2,667	13.5	2.0	15.2%	18.0%
MBB	Ngân hàng	32.7	2.2%	1.2	5,372	29.2	3,362	9.7	2.1	23.2%	23.6%
ACB	Ngân hàng	34.5	1.5%	1.0	4,053	9.9	3,554	9.7	2.1	30.0%	23.9%
BMP	Nhựa	58.9	0.2%	0.7	210	0.1	2,618	22.5	2.1	85.0%	9.0%
NTP	Nhựa	64.9	-0.2%	0.4	332	0.2	3,951	16.4	2.8	18.0%	17.6%
MSR	Tài nguyên	24.8	0.4%	0.8	1,185	0.3	39	635.9	1.9	10.1%	0.3%
HPG	Thép	46.0	-0.4%	1.1	8,946	31.1	7,708	6.0	2.3	23.4%	46.1%
HSG	Thép	36.0	-1.0%	1.4	771	14.8	8,581	4.2	1.6	6.9%	45.9%
VNM	Tiêu dùng	81.2	0.1%	0.6	7,378	5.2	4,518	18.0	5.1	54.5%	29.3%
SAB	Tiêu dùng	170.0	1.3%	0.8	4,740	3.2	5,663	30.0	5.1	62.5%	17.9%
MSN	Tiêu dùng	160.5	5.9%	0.9	8,238	10.7	7,257	22.1	5.8	28.7%	35.1%
SBT	Tiêu dùng	22.5	0.0%	1.3	614	3.0	1,097	20.5	1.7	7.1%	7.8%
ACV	Vận tải	96.5	6.0%	0.8	9,134	0.9	577	167.2	5.6	3.7%	3.4%
VJC	Vận tải	139.2	-0.6%	1.1	3,278	5.5	2,271		4.5	16.5%	7.7%
HVN	Vận tải	26.3	-0.6%	1.7	2,527	4.6	(6,523)		24.3	6.0%	-267.4%
GMD	Vận tải	48.9	0.0%	1.0	641	2.5	1,846	26.5	2.3	42.0%	9.1%
PVT	Vận tải	22.8	-1.7%	1.4	321	1.6	2,066	11.0	1.4	12.5%	13.3%
VCS	Vật liệu xây dựng	107.6	0.0%	0.8	749	0.1	10,538	10.2	3.5	3.9%	40.6%
VGC	Vật liệu xây dựng	53.6	-0.2%	0.5	1,045	1.7	2,738	19.6	3.4	3.9%	18.2%
HT1	Vật liệu xây dựng	21.5	1.9%	0.9	356	0.6	969	22.1	1.6	2.0%	7.0%
CTD	Xây dựng	92.5	-0.3%	1.1	297	1.2	310	297.9	0.8	47.2%	0.3%
CII	Xây dựng	27.3	4.0%	0.8	284	8.3	(1,434)	N/A	1.3	11.2%	-7.1%
REE	Điện	68.3	1.2%	-1.4	918	0.5	6,001	11.4	1.6	49.0%	15.0%
PC1	Điện	35.7	1.1%	-0.4	365	1.7	2,997	11.9	1.8	4.8%	15.9%
POW	Điện	18.1	2.3%	0.6	1,843	14.3	759	23.8	1.4	2.6%	6.1%
NT2	Điện	23.8	0.0%	0.6	298	0.3	1,778	13.4	1.6	14.0%	12.0%
KBC	Khu công nghiệp	57.7	1.4%	1.2	1,429	17.8	1,593	36.2	2.4	17.7%	6.7%
BCM	Khu công nghiệp	82.0	4%	1.1	3,690	2.2			5.4	2.4%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
MSN	160.50	5.87	2.70	1.58MLN
VHM	80.00	2.43	2.13	3.78MLN
VIC	83.70	2.32	1.86	3.00MLN
BID	46.20	3.24	1.50	3.69MLN
VCB	87.00	1.16	1.22	2.45MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
PGV	0.00	-0.49	47500	1.11MLN
PLX	0.00	-0.40	2.40MLN	607060
HPG	0.00	-0.23	15.56MLN	373600
VJC	0.00	-0.11	908700	192700
HVN	0.00	-0.09	4.06MLN	611640

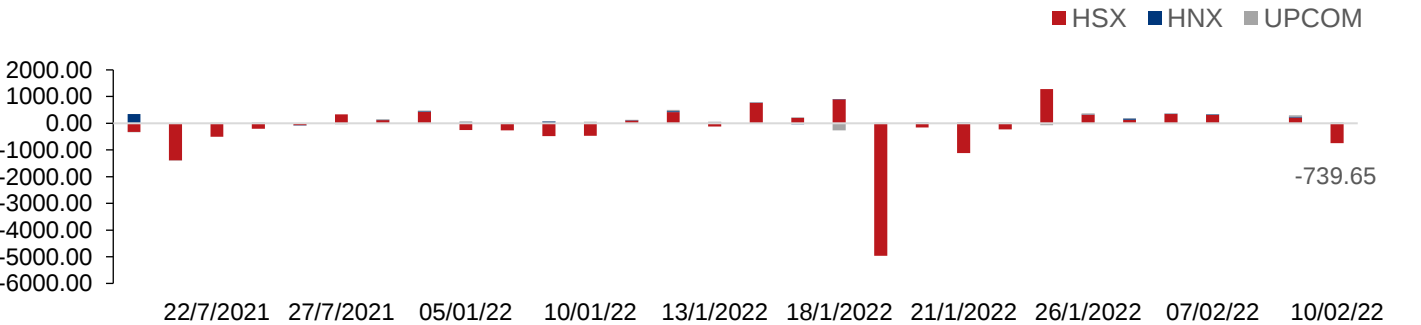
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PTC	56.60	6.99	0.02	1.04MLN
VRC	29.85	6.99	0.03	233700
CKG	27.60	6.98	0.04	917500
SVI	70.70	6.96	0.02	300
ADS	30.90	6.92	0.02	2.26MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HOT	37.40	-6.97	-0.01	100
DXV	7.68	-6.91	0.00	112100
NAV	22.00	-6.78	0.00	4100.00
PNC	9.70	-6.73	0.00	1000
ST8	12.30	-6.46	-0.01	4500

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	AGG	Bất động sản	Mua	19/05/21	62.1	N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	Click
2	ANV	Thủy sản	Mua	27/06/21	32.4	38.7	33.0	1,267	26.1	1.7	Click
3	BMI	Bảo hiểm	Mua	8/2/22	36.8	45.0	38.0	1,968	19.3	1.8	Click
4	BSR	Dầu khí	Mua	4/11/21	24.5	28.4	26.8	-909	#N/A N/A	2.7	Click
5	CEO	Bất động sản	Theo dõi	7/6/21	10.8	N/A	60.9	362	168.2	5.2	Click
6	CTD	Xây dựng	Mua	6/12/21	77.0	97.9	92.5	310	297.9	0.8	Click
7	DBC	Tiêu dùng bán lẻ	Theo dõi	16/9/21	62.9	69.6	74.0	7,200	10.3	1.8	Click
8	DCM	Bán lẻ	Mua	1/4/21	17.5	21.1	29.8	3,313	9.0	2.1	Click
9	DGC	Hóa chất	Mua	27/7/21	96.5	115.0	141.4	13,121	10.8	4.0	Click
10	DPG	Bất động sản	KQ	10/6/21	39.3	N/A	59.3	5,715	10.4	2.8	Click
11	DRC	Săm lốp	Mua	18/5/21	26.2	32.8	29.9	2,450	12.2	2.0	Click
12	DXG	Bất động sản	Mua	10/5/21	23.4	30.2	37.3	1,941	19.2	2.5	Click
13	ELC	CNTT	Mua	2/11/21	28.5	33.1	22.4	949	23.6	1.3	Click
14	EVE	Dệt may	Mua	1/12/21	18.4	N/A	15.6	1,454	10.7	0.7	Click
15	FPT	CNTT	KQ	18/8/21	93.8	107.0	91.1	4,354	20.9	4.6	Click
16	GAS	Dầu khí	Mua	12/1/22	103.3	130.0	117.4	4,381	26.8	4.4	Click
17	GAS	Dầu khí	Mua	6/9/21	90.4	109.4	117.4	4,381	26.8	4.4	Click
18	HAX	Ô tô	Mua	23/12/21	29.1	37.0	30.2	3,134	9.6	2.1	Click
19	HPG	VLXD	Mua	25/5/21	65.4	76.5	46.0	7,708	6.0	2.3	Click
20	HSG	VLXD	Theo dõi	14/5/21	37.4	47.8	36.0	8,581	4.2	1.6	Click
21	HUT	XD-BDS	Theo dõi	20/5/21	6.5	7.6	22.9	157	146.1	2.1	Click
22	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	17.2	1,520	11.3	0.8	Click
23	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	17.2	1,520	11.3	0.8	Click
24	ITD	CNTT	Mua	17/9/21	20.8	28.1	14.7	689	21.3	1.1	Click
25	KDH	Bất động sản	Theo dõi	31/8/21	39.8	N/A	53.5	1,833	29.2	3.4	Click
26	LHG	BDS khu CN	Theo dõi	22/7/21	49.2	55.7	53.5	5,898	9.1	1.8	Click
27	MSH	Dệt may	Mua	13/5/21	50.6	66.4	77.7	8,820	8.8	2.7	Click
28	MWG	Bán lẻ	Mua	23/11/21	138.6	154.4	133.3	6,936	19.2	4.7	Click
29	NKG	Thép	Nắm giữ	1/9/21	39.5	46.5	39.5	10,793	3.7	1.5	Click
30	NLG	Bất động sản	KQ	11/11/21	61.2	66.5	53.9	3,181	16.9	2.3	Click
31	NT2	Điện	Theo dõi	9/9/21	21.7	24.7	23.8	1,778	13.4	1.6	Click
32	PC1	Điện	Mua	7/6/21	26.8	32.8	35.7	2,997	11.9	1.8	Click
33	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	105.5	4,543	23.2	4.0	Click
34	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	105.5	4,543	23.2	4.0	Click
35	POW	Điện	Theo dõi	18/5/21	12.0	13.8	18.1	759	23.8	1.4	Click
36	PVI	Bảo hiểm	Mua	7/2/22	49.2	59.3	48.3	3,543	13.6	1.5	Click
37	PVS	Dầu khí	Mua	13/1/22	28.5	36.0	29.3	1,260	23.3	1.2	Click
38	SGP	Cảng biển	Mua	13/7/21	21.1	25.0	35.7	1,064	33.6	3.7	Click
39	SMC	Bán lẻ	Mua	13/5/21	39.6	48.6	38.6	14,369	2.7	1.0	Click
40	SZC	BDS khu CN	Mua	23/11/21	50.0	62.7	78.8	3,013	26.1	5.4	Click
41	TCD	Xây dựng	Mua	29/11/21	32.3	40.0	25.0	2,375	10.5	3.5	Click
42	VGТ	Dệt may	Theo dõi	21/5/21	16.8	19.0	25.9	570	45.4	2.1	Click
43	VHC	Thủy sản	Mua	29/10/21	62.5	80.1	73.0	6,052	12.1	2.3	Click
44	VNM	Tiêu dùng bán lẻ	Mua	19/8/21	90.0	105.6	81.2	4,518	18.0	5.1	Click
45	VRE	Bất động sản	Theo dõi	16/8/21	28.1	34.1	34.0	578	58.8	2.5	Click
46	VSC	Cảng biển	Mua	10/9/21	63.8	77.0	40.7	3499.1	11.6	1.7	Click
47	VSH	Điện	Mua	30/9/21	27.7	35.0	28.6	1,646	17.3	1.7	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2021	x		Link
2	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2022_20220113	x		Link
3	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Link
4	Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
5	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Link
6	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
7	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
8	Vĩ Mô Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
9	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
10	Vĩ mô Thị trường Quý III 2021	x		Click
11	Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
12	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
13	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
14	Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
15	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
16	Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
17	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
18	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
19	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
20	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
21	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
22	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
23	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
24	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
25	Banking Sector Outlook		x	Click
26	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
27	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
28	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
29	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
30	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
31	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
32	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
33	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
34	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
35	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
36	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
37	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
38	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
39	Fishery Outlook 2021		x	Click
40	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
41	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
42	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
43	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639